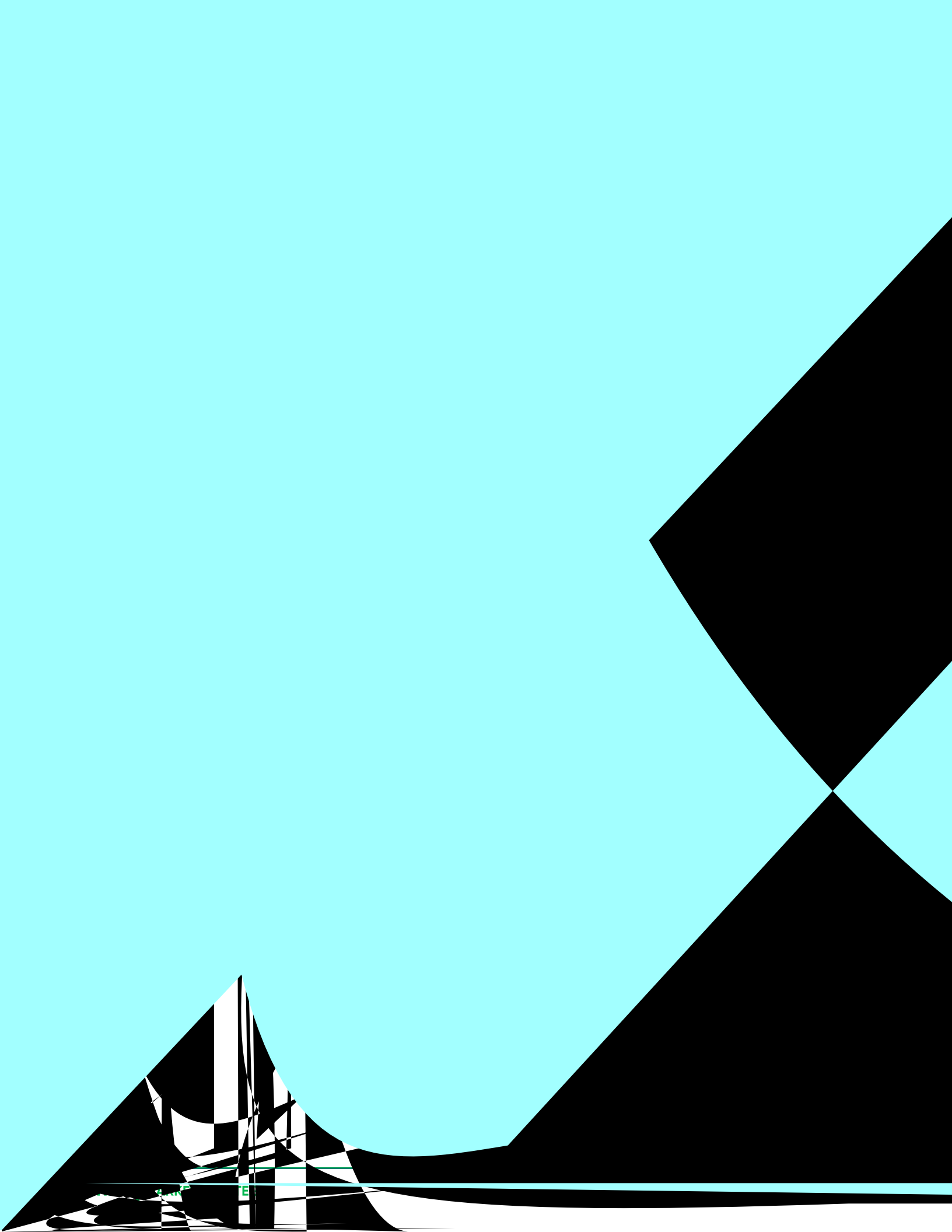




ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** tăng vào thứ Ba khi dữ liệu về niềm tin người tiêu dùng Mỹ đã mạnh hơn dự báo trong tháng 5 nhờ hy vọng về các thoả thuận thương mại. Vào ngày 25/05, ông Trump tuyên bố ông sẽ lùi thời hạn áp thuế 50% đối với EU sang ngày 09/07 sau yêu cầu của bà Ursula von der Leyen, Chủ tịch Ủy ban châu Âu.
- **Với kim ngạch đạt 389 triệu USD** (tăng 103%) trong 4 tháng đầu năm, Trung Quốc & Hong Kong là thị trường tiêu thụ tôm lớn nhất của Việt Nam (chiếm gần 30% tổng xuất khẩu tôm của Việt Nam), theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP). Mức tăng trưởng 3 con số tại thị trường này là nhờ doanh số bán tôm hùm của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh.
- **CTS:** CTS sắp phát hành 63,95 triệu cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền 100:43. Qua đó, công ty mẹ là ngân hàng Vietinbank dự kiến nhận về hơn 48,37 triệu cổ phiếu từ đợt trả cổ tức này.
- **GAS:** GAS đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 2025 đạt 74 nghìn tỷ đồng, giảm 29%; LNST hợp nhất chỉ 5,3 nghìn tỷ đồng, bằng 50% so với năm 2024. Về chỉ tiêu sản lượng, GAS đặt kế hoạch tiếp nhận gần 6,2 tỷ m3 khí (bao gồm LNG nhập khẩu); hơn 5,88 tỷ m3 khí tiêu thụ (gồm cả LNG). LPG sản xuất là 370 nghìn tấn, trong khi LPG kinh doanh kế hoạch 1,9 nghìn tấn.
- **VHC:** Theo bản tin kinh doanh của CTCP Vinh Hoàn, tổng doanh thu của công ty đạt 1.019 tỷ đồng trong tháng 4, giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái. Xét theo khu vực, doanh thu từ thị trường lớn nhất của Vinh Hoàn là Mỹ giảm 10% trong tháng 4, đạt 371 tỷ và chiếm 36% cơ cấu doanh thu. Tương tự, nguồn thu từ thị trường EU đạt 179 tỷ, Trung Quốc là 43 tỷ; giảm lần lượt 11% và 19% so với tháng 4/2024.
- **DPG:** Đạt Phương sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.000 đồng. Như vậy, với xấp xỉ 63 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, Công ty sẽ chi khoảng 63 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 11/6, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 4/7.
- **STK:** Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Sợi Thế Kỷ đăng ký mua 7 triệu cp STK, nhằm tăng tỷ lệ sở hữu lên 21,72%, trong bối cảnh cổ phiếu vừa phục hồi mạnh và kết quả kinh doanh quý 1 tăng trưởng đột biến.
- **BFC:** Doanh nghiệp dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.500 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền là ngày 12/6/2025, dự kiến chi trả ngày 27/6/2025.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	3.307,65	0,21	26,03
Dầu WTI	61,38	0,80	-14,42
Dầu Brent	64,56	0,73	-13,50
Than	100,90	0,50	-19,44
Đồng	9.596,50	-0,14	9,45
Quặng sắt	94,80	-2,35	-9,57
Thép	453,00	0,00	-4,78

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	99,519	0,00	-8,27
USD/JPY	144,17	0,11	9,04
USD/CNY	7,1944	0,01	1,46
EUR/USD	1,1331	0,03	9,44
GBP/USD	1,3511	0,03	7,95

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,50%	18/06/2025	0,00
ECB	2,40%	05/06/2025	-0,25
BOE	4,50%	19/06/2025	0,00
BOJ	0,50%	17/06/2025	0,00
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	692,75	25.550	0,00
FPT	653,69	119.000	1,45
MWG	523,23	64.300	-0,31
TCB	725,56	30.600	0,82
STB	334,97	41.500	-0,12

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	474.602,35	56.800	-0,35
BID	254.875,44	36.300	1,26
CTG	212.651,67	39.600	0,89
FPT	176.278,28	119.000	1,45
TCB	216.184,46	30.600	0,82

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

MWG

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

MUA

64.300

71.500

10,85%

62.500-64.500

<61.300

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng quý 1 năm 2025 đạt 14,9 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2024, tiếp tục cao nhất ngành ngân hàng. LNTT đạt 6,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2024.
- Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của CTG tập trung vào việc tăng trưởng bền vững và kiểm soát rủi ro. Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản từ 8-10%, dư nợ tín dụng theo hạn mức NHNN phê duyệt, nguồn vốn huy động tăng trưởng tương ứng, và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,8%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Sau khi hồi phục hơn 40% từ vùng đáy, cổ phiếu MWG đang bước vào giai đoạn tích lũy ngắn hạn do áp lực chốt lời gia tăng. Hiện tại, MWG đang tiếp cận vùng kháng cự kỹ thuật quanh 65.000 đồng– ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua để xác lập xu hướng tăng mới. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mua với tỷ lệ giải ngân phù hợp khẩu vị rủi ro.

Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q1 2025
DTT (tỷ đ)	118.280	134.341	34.574
LNTT (tỷ đ)	690	4.826	1.035
LNST (tỷ đ)	168	3.733	852
Nợ/VCSH (%)	108	97	97
ROE (%)	0,71	14,57	15,99
ROA (%)	0,29	5,70	6,41
EPS (VNĐ)	115	2.546	2986,55
P/E (lần)	372,2	24,0	21,53
P/B (lần)	2,68	3,21	3,21

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	65,70	BUY	
MACD (12,26)	1,66	BUY	
ADX (14)	13,55	BUY	
SMA5	64.320	BUY	
SMA20	62.550	BUY	
SMA50	59.520	BUY	
SMA100	59.070	BUY	
SMA200	61.840	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	SSI	Nắm giữ	21,5-22,5	22/4/2025	21,5	25,3	21,3			10,23%
2	HHV	Nắm giữ	11,9-12,1	14/5/2025	12,1	13,6	11,5			4,13%
3	VCI	Mua	36,5-37,5	20/5/2025	36,5	41,1	35,4			1,37%
4	GVR	Nắm giữ	25,5-26,5	26/5/2025	26,5	29,4	25,2			10,94%
5	CTG	Nắm giữ	37,5-38,5	26/5/2025	38,5	42,8	36,6			2,86%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32	3/3/2025	37,45	9,02%
2	SSI	Chốt lời	24,5-25	24/2/2025	25,3	27,4	23,8	13/3/2025	27,4	8,30%
3	POW	Cơ cấu	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13,2	11,2	14/3/2025	12	1,69%
4	VHC	Cơ cấu	67,5-69,5	18/2/2025	69,5	76	65,6	14/3/2025	67,9	-2,3%
5	PC1	Cơ cấu	23,5-23,9	26/2/2025	23,9	26,3	22,7	14/3/2025	23,1	-3,35%
6	KSB	Cơ cấu	19,6-20	6/3/2025	19,9	22,1	19	14/3/2025	19,85	-0,21%
7	DXG	Cơ cấu	15,7-16,2	11/3/2025	16,2	17,8	15,2	14/3/2025	16,1	-0,61%
8	BID	Cắt lỗ	38,6-39,3	6/2/2025	39,6	45	37,3	3/4/2025	37,3	-5,81%
9	KBC	Cắt lỗ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	33	27,6	3/4/2025	27,6	-5,4%
10	VPB	Cắt lỗ	18,7-19	21/02/2025	19	21,2	18	3/4/2025	18	-5,26%
11	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	16/4/2025	38,6	13,20%
12	MBB	Chốt lời	21,8-22,3	22/4/2025	21,8	24,5	20,7	29/4/2025	23,7	8,72%
13	HPG	Chốt lời	23-24	22/4/2025	23,4	26,5	22,8	29/4/2025	25,65	9,62%
14	TCB	Chốt lời	25-25,8	28/4/2025	25,8	28,2	24,5	13/5/2025	29,5	14,34%
15	VCG	Chốt lời	21-21,8	22/4/2025	21	24,5	20,7	22/5/2025	23,3	11,19%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%
MICP	NSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA vì 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	~(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	~13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	79,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room